

Số: 29 /QĐ-THPTHT

Hiếu Tử, ngày 09 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai thực hiện dự toán
thu – chi ngân sách Quý 1 năm 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 660/QĐ -SGDDĐT, ngày 27/7/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Trà Vinh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường THPT Hiếu Tử;

Căn cứ Quyết định số 1434/QĐ-SGDDĐT ngày 30/12/2024 của Sở GDĐT Trà Vinh về việc giao dự toán thu chi ngân sách năm 2025

Xét đề nghị của Phòng Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số thực hiện dự toán thu – chi ngân sách Quý 1 năm 2024 của Trường THPT Hiếu Tử (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán, các bộ phận và cá nhân có liên quan trong đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.

Đính kèm

- Biểu số 3.



Nguyễn Văn Hiếu

Đơn vị: Trường THPT Hiếu Tử

Chương: 422



**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
QUÝ 1 NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 29 /QĐ-THPTHT ngày 09 / 04 /2025)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý I/2025	Thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	641,341	70,000	61,500%	69,285%
1	Lệ phí				
2	Phí	608,677	70,000	11,500%	19,285%
3	Thu SXKD, dịch vụ	32,664	16,332	50%	50 %
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	608,677	15,404	2,401%	3,893%
1	Chi sự nghiệp giáo dục	608,677	15,404	2,401%	3,893%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	608,677	15,404	2,401%	3,893%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Chi SXKD, dịch vụ	32,664	16,33	50%	50%
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.670,802	2.191,420	24,491%	32,214%
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	9.670,802	2.191,420	24,491%	32,214%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.057,401	2.189,467	24,173%	31,855%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	613,401	1,953	0,318%	0,359%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				

5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				